

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI LĂNG  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06/8/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Bùi Diệu Lương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trương Thị Kim Anh.

2. Ông Thái Văn Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Kim Hưng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị T; sinh năm 1988; địa chỉ: Số B Đ, phường B, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Phước T1; sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2024, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày:

Chị và anh Hoàng Phước T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị vào năm 2021. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhiều lần do cách sống không hòa hợp. Gia đình hai bên cũng đã khuyên nhủ nhiều nhưng không thành. Tháng 2/2023 chị đã gửi đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng nhưng sau đó đã rút đơn, vụ án được Tòa án đình chỉ. Tuy nhiên, chị và anh T1 vẫn sống ly thân, không thể

khắc phục mâu thuẫn để tiếp tục chung sống. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoàng Phước T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Phước Gia T2, sinh ngày 19/4/2021. Từ tháng 2/2023 đến nay, cháu T2 do anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, vì vậy đề ổn định cuộc sống của con, chị giao cháu T2 cho anh T1 nuôi, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh Hoàng Phước T1, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa và quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên anh T1 không đến tham gia tố tụng tại các phiên họp, phiên tòa và không trình bày ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 175, 177, 178, 195, 196, 203, 220, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý, quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ; thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo các phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuân thủ quy định của pháp luật về thời hạn thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và thực hiện việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát trước khi tham gia phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện, cho chị Trương Thị T được ly hôn anh Hoàng Phước T1. Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho anh Hoàng Phước T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Phước Gia T2, sinh ngày 19/4/2021. Chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện H, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đúng trình tự thủ tục tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do nên theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Hoàng Phước T1 kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào năm 2021. Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp tính tình, cách sống.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại đơn khởi kiện và đến tại phiên tòa, chị Trương Thị T vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn. Anh Hoàng Phước T1 không tham gia các phiên hòa giải, thiếu thiện chí hoà giải để khắc phục mâu thuẫn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là Hoàng Phước Gia T2, sinh ngày 19/4/2021. Xét, sau khi chị T và anh T1 sống ly thân, cháu T2 được anh T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Qua xác minh tại địa phương, thấy rằng, bản thân anh T1 có nhà ở, có thu nhập ổn định và đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2. Vì vậy, để ổn định cuộc sống của cháu T2, cần giao cháu cho anh T1 nuôi dưỡng. Chị T đã có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi cháu T2 mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cháu T2, vì vậy cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T được ly hôn anh Hoàng Phước T1.

Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Phước Gia T2, sinh ngày 19/4/2021 cho anh Hoàng Phước T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Trương Thị T cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Phước Gia T2 mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu T2 thành niên và có khả năng lao động .

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kì, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0000142 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, chị T còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hải Lăng;
- THADS huyện Hải Lăng;
- UBND xã Hải Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Bùi Diệu Lương**